

Số /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 về Quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030; số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn 560/TT-SNNMT ngày 21/5/2026 (sau khi tiếp thu, hoàn thiện trên cơ sở góp ý của các sở, ngành, đơn vị liên quan); ý kiến biểu quyết đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh (thông qua Phiếu biểu quyết).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₅.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Huy Thành

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Quyết định 417/QĐ-BNNMT); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo hướng hiện đại, bền vững và thực chất, gắn với quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế - xã hội và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp nhằm nâng cao thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn. Đẩy mạnh giảm nghèo đa chiều; bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn đến năm 2030 gấp 2,5-3 lần so với năm 2020.
- Phấn đấu tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm từ 1,5%/năm trở lên.
- Phấn đấu có tối thiểu 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (39 xã), tối thiểu 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (06 xã).

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi thực hiện: Chương trình thực hiện tại các xã trên địa bàn tỉnh; ưu tiên các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới.

2. Đối tượng thụ hưởng: Các xã, phường, thôn tổ dân phố, người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác

có liên quan tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới.

3. Thời gian thực hiện: Chương trình được thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

III. CÁC HỢP PHẦN VÀ NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hợp phần thứ nhất: Các nội dung chung thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh (Gồm 10 nội dung thành phần với 52 nội dung cụ thể, được thực hiện trên địa bàn tỉnh; chỉ thực hiện tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với những nội dung Hợp phần thứ hai không quy định, nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình).

2. Hợp phần thứ hai: Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Gồm 05 Nội dung thành phần với 20 nội dung cụ thể, được thực hiện trên phạm vi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chỉ thực hiện ngoài vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với những nội dung mang tính đặc thù của ngành công tác dân tộc và không quy định trong Hợp phần thứ nhất).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngân sách trung ương:

- Vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2026-2030 được trung ương phân bổ theo quy định.

- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án khác triển khai trên địa bàn;

2. Ngân sách tỉnh, ngân sách cấp xã: bố trí tối thiểu bảo đảm đối ứng theo quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác (doanh nghiệp, tín dụng chính sách, huy động người dân đóng góp theo hình thức tự nguyện và vốn xã hội hóa khác...).

V. CƠ CHẾ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ chế, chính sách áp dụng đối với Chương trình

1.1. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình: Thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ) và quy định của pháp luật có liên quan.

1.2. Cơ chế phân bổ, hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình

- Đối với ngân sách trung ương: Thực hiện theo điểm 1.2 và 1.4, mục 1, Phần V, Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đối với ngân sách tỉnh: Bố trí ngân sách tỉnh phân bổ cho các xã, phường để thực hiện Chương trình bảo đảm quy định về tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách; lồng ghép các cơ chế, chính sách của tỉnh ban hành để thực hiện Chương trình.

1.3. Cơ chế đầu tư thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình

a) Chủ đầu tư các dự án thuộc Chương trình

- Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã: Căn cứ vào điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản lý làm chủ đầu tư;

- Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng quy mô cấp liên xã, cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn, giao chủ đầu tư bảo đảm có đủ năng lực, phù hợp với tính chất, quy mô, đối tượng, để thực hiện.

b) Cơ chế đầu tư

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân: Thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

- Đối với các dự án khác thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và pháp luật liên quan.

1.4 Cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện Chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia khác: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giải pháp thực hiện Chương trình

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và ban hành, cụ thể hóa đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình theo hướng đồng bộ, thống nhất, dễ áp dụng, phù hợp với mô hình tổ chức hành chính hai cấp (tỉnh, xã). Thực hiện tích hợp các văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần, tiêu chí nông thôn mới nhằm giảm chồng chéo, đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu lực điều hành. Tăng cường phân cấp, phân quyền tối đa cho địa phương trên nguyên tắc “địa phương quyết - địa phương làm - địa phương chịu trách nhiệm”; tỉnh quản lý, ban hành cơ chế, kiểm tra, giám sát; tỉnh giao tổng mức vốn, địa phương căn cứ điều kiện thực tế chủ động quyết định phương án phân bổ, lồng ghép nguồn lực để đạt mục tiêu chung được giao;

b) Tập trung đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, bảo đảm thống nhất nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân. Làm rõ vai trò chủ thể của người dân trong tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình; trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu. Gắn công tác tuyên truyền với đào tạo, tập huấn cán bộ, nhân rộng các mô hình, điển hình thực tiễn; đẩy

manh ứng dụng truyền thông số nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia tự giác của cộng đồng;

c) Kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình các cấp và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, không làm phát sinh đầu mỗi quản lý nhà nước và không làm tăng biên chế;

d) Tổ chức thực hiện Chương trình theo hướng chuyển trọng tâm từ mở rộng phạm vi, số lượng sang nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều; Thí điểm xây dựng, nhân rộng mô hình nông thôn mới, giảm nghèo xanh, bền vững thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng gắn với các giải pháp sinh kế, việc làm xanh, nhà ở bền vững;

đ) Tiếp tục phát huy thành quả, kết quả xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, nghiên cứu, xây dựng, ban hành Bộ tiêu chí cấp thôn giai đoạn 2026-2030 bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu giai đoạn mới; đồng thời lồng ghép các giải pháp phát triển sinh kế, nâng cao năng lực tự chủ, tự vươn lên của người nghèo và tăng cường cơ chế phòng ngừa tái nghèo, gắn với trách nhiệm của địa phương trong duy trì kết quả thực hiện Chương trình;

e) Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn theo hướng gia tăng giá trị, bền vững; hướng dẫn, hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông nghiệp/du lịch sinh thái/du lịch cộng đồng đặc sắc, gắn với thế mạnh của từng địa phương, vùng miền theo hướng xanh, bền vững; khuyến khích chuyển đổi số phù hợp với quy định, nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, bền vững;

g) Phát huy vai trò chủ thể của người dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững. Người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các nội dung của Chương trình. Doanh nghiệp cần được tạo môi trường thuận lợi để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo sinh kế và việc làm bền vững;

h) Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo quy định. Ưu tiên bố trí ngân sách tỉnh trực tiếp thực hiện Chương trình, các xã có trách nhiệm bố trí đủ ngân sách địa phương; huy động tối đa nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình; rà soát, phân kỳ đầu tư, ưu tiên đầu tư tập trung, tránh dàn trải, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản; bảo đảm tính kế thừa, phát huy hiệu quả đầu tư giai đoạn trước. Ưu tiên bố trí vốn tín dụng chính sách xã hội từ ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện tín dụng chính sách xã hội, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chương trình. Khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn, đặc biệt là vùng đồng bào DTTS&MN và biên giới đầy nhanh tiến độ hoàn thành các mục tiêu của Chương trình;

i) Triển khai hợp tác quốc tế theo hướng có trọng tâm, đóng vai trò bổ trợ nguồn lực và nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình. Ưu tiên tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi quy mô phù hợp; chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, nhất là ở cấp cơ sở;

k) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành; thực hiện phân cấp, trao quyền cho cấp xã và cộng đồng dân cư gắn với cơ chế giám sát, đánh giá minh bạch và trách nhiệm giải trình rõ ràng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và triển khai hệ thống thông tin quản lý Chương trình. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội và lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân. Thực hiện khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân làm tốt; đồng thời chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, lãng phí, vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

VI. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động, tích cực triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 16/3/2026, Văn bản số 1292/UBND-NL₅ ngày 12/02/2026 và các nhiệm vụ thuộc chương trình được giao tại Quyết định này đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

2. Nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thực hiện các nhiệm vụ của chủ Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành: Nghị quyết về quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030; Quyết định quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án theo từng ngành, nghề, lĩnh vực Khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 31 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường triển khai Bộ tiêu chí đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP, theo hướng kế thừa, phù hợp, đồng bộ và nâng cao chất lượng, đặc trưng, thương hiệu gắn với yêu cầu của thị trường, thúc đẩy theo hướng xanh, bền vững;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các sở, ngành có liên quan thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ cụ thể hàng năm, giai đoạn 5 năm gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định giao các địa phương thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hướng dẫn các sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch hàng năm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các sở, ban, ngành chủ trì nội dung thành phần và các địa phương tổng hợp, đề xuất phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) cho giai đoạn 2026-2030 và hàng năm; dự toán ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

- Chủ trì, phối hợp Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hướng dẫn các địa phương thực hiện quy trình, hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM hiện đại theo quy định tại Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg ngày 28/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh đề xuất Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2031-2035;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo tăng cường sự phối hợp của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc tỉnh cùng các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình;

- Chỉ đạo rà soát, công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình giai đoạn 2026-2030 theo quy định.

b) Sở Nội vụ

- Chủ trì Hợp phần thứ hai; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo phân công;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan căn cứ Quyết định số 822/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình ở cấp tỉnh; thành lập hoặc kiện toàn 01 cơ quan làm nhiệm vụ thường trực, giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình, đặt tại Sở Nông nghiệp và Môi trường, bảo đảm chuyên trách, tinh gọn, hiệu quả, không làm phát sinh tổ chức bộ máy và biên chế của tỉnh; hướng dẫn thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý và bộ phận giúp việc thực hiện Chương trình cấp xã, Ban phát triển thôn, tổ dân phố;

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào “Cả tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035” sau khi Thủ tướng Chính phủ phát động phong trào thi đua hoặc có hướng dẫn từ Trung ương;

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Hợp phần thứ hai của Chương trình giai đoạn 2026-2030 và hàng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp chung theo quy định;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung cho Chương trình để tập trung, ưu tiên đầu tư, hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành và các xã, phường thực hiện các giải pháp để tăng cường công tác phối hợp và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung thuộc Hợp phần hai của Chương trình;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh theo quy định.

c) Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh

- Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đôn đốc sở ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong Chương trình. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương thực hiện hiệu quả nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch hàng năm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh: trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ

vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030; trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030; ban hành các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030; hướng dẫn các địa phương thực hiện quy trình, hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM hiện đại theo quy định tại Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg ngày 28/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện của Chương trình giai đoạn 2026-2030 và hằng năm; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung cho Chương trình bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành và các xã thực hiện các giải pháp để tăng cường công tác phối hợp và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện tình hình thực hiện các nội dung thuộc Hợp phần thứ nhất của Chương trình;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh theo quy định.

d) Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các xã, phường trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định nội dung, phương án lồng ghép giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; quy định hình thức, mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện;

- Trên cơ sở kế hoạch vốn được Chính phủ phân bổ, đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị, địa phương có liên quan, tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) cho giai đoạn 2026-2030 và hằng năm; dự toán ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công;

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc tiến độ giao kế hoạch và phân bổ vốn đúng thời hạn theo Điều 9 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và tổng hợp báo cáo quyết toán nguồn vốn sử dụng và quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước của chương trình theo khoản 4 Điều 48 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh theo quy định.

đ) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công. Triển khai Chương trình MTQG phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển văn hóa cơ sở góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026-2030.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công. Triển khai Chương trình MTQG hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035 góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động nông thôn, lao động vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026-2030.

g) Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công. Triển khai Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển y tế cơ sở, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026-2030.

h) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 8 chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; thống kê, tổng hợp nguồn lực tín dụng góp phần thực hiện Chương trình; đồng thời phối hợp triển khai chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

i) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội theo hướng mở rộng phạm vi, quy mô, địa bàn, đối tượng, nâng mức cho vay, thời hạn vay phù hợp với mục tiêu của Chương trình, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

k) Các sở, ngành, đơn vị được phân công chủ trì nội dung, nội dung thành phần thuộc Chương trình

- Hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công; trên cơ sở văn bản của các bộ, cơ quan trung ương tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện các nội dung, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì, theo hướng tích hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai, áp dụng thực hiện; ban hành trước ngày 30 tháng 8 năm 2026;

- Ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để góp phần thực hiện các nội dung thành phần và các tiêu chí NTM theo phân công;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về cơ quan chủ trì Chương trình để tổng hợp;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh; định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương theo quy định.

l) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh tham gia thực hiện Chương trình

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung thành phần, nội dung cụ thể của Chương trình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Có trách nhiệm lồng ghép các chương trình mục tiêu, dự án của từng sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh với Chương trình;

m) Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh và các cơ quan thông tin truyền thông khác phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan thực hiện truyền thông về Chương trình.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Thực hiện các nhiệm vụ tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ; các nhiệm vụ thuộc Chương trình được giao tại Quyết định này và các quy định, hướng dẫn có liên quan;

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện trong giai đoạn 5 năm và hằng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi cơ quan chủ Chương trình, cơ quan chủ trì nội dung thành phần và các cơ quan liên quan theo quy định;

- Chủ động và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, xác định nội dung đầu tư, tiến độ và kết quả thực hiện để đạt được các mục tiêu của Chương trình được giao;

- Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng cấp và các phòng, ban trong việc tổ chức thực hiện Chương trình, các nội dung của Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

- Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình; kiện toàn bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo trên cơ sở thành lập mới hoặc kế thừa bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả và không phát sinh đầu mỗi quản lý nhà nước, không làm tăng biên chế;

- Chủ động cân đối bố trí đủ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định, cũng như có giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để đầu tư thực hiện Chương trình; tiếp tục đẩy mạnh cơ chế khuyến khích các địa phương cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện các nội dung của Chương trình, trong đó ưu tiên hỗ trợ triển khai: Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở; phát triển các sản phẩm OCOP; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn...;

- Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ địa phương thực hiện xây dựng NTM; vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng NTM theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản của Chương trình;

- Tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn định kỳ, đột xuất.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung được phân công, hướng dẫn địa phương tổ chức thực hiện. Chủ động, tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tham gia thực hiện. Phát hiện, biểu dương, tôn vinh và phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng. Đồng thời, thực hiện hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội đối với quá trình triển khai Chương trình; tiếp tục nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với xây dựng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”./.

PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện các nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 – 2030

TT	Nội dung thành phần	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, hướng dẫn thực hiện
I	Hợp phần thứ nhất: Các nội dung chung thực hiện trên địa bàn tỉnh (Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; chỉ thực hiện tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với những nội dung Hợp phần thứ hai không quy định, nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình)			
1	Nội dung thành phần 01: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững (gồm 02 nội dung cụ thể)	Phần đầu đến cuối năm 2027 toàn tỉnh có 100% số xã đạt các yêu cầu của nhóm tiêu chí số 01 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (sau đây viết tắt là NTM) giai đoạn 2026 - 2030 đã được ban hành tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM).	Nội dung 01: Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo đơn vị hành chính mới, pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã; bảo đảm kết nối vùng, tích hợp đầy đủ định hướng phát triển theo quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo pháp luật về kiến trúc;	Sở Xây dựng
Nội dung 02: Thực hiện xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng NTM trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hóa) để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và được cung cấp, chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.				
2	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu (gồm 14 nội dung cụ thể)	a) Phần đầu đến năm 2030 có tối thiểu 65% số xã đạt các yêu cầu của nhóm tiêu chí số 02 về Hạ tầng kinh tế xã hội, nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn và tối thiểu 90% số xã đạt các	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN và biên giới;	Sở Xây dựng
Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, bảo đảm an toàn bền vững, phù hợp với đặc thù từng địa phương thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên			Sở Nông nghiệp và Môi trường	

		<p>yêu cầu nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM</p> <p>b) Hướng tới đáp ứng các yêu cầu, điều kiện số 04, số 06, số 11 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2026 - 2030 đã được ban hành tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM);</p> <p>c) Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là vùng đồng bào DTTS&MN):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 100% số xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân; - 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; - 100% số thôn có đường trục chính được cứng hóa; - 100% số thôn có đường ô tô kết nối với trung tâm xã hoặc các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa hoặc bê tông bảo đảm lưu thông đi lại thường xuyên; - 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 	<p>đầu tư công trình thủy lợi cho xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới, vùng thiếu nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu;</p> <p>Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là tại các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới, vùng có nguy cơ rủi ro cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu;</p> <p>Nội dung 04: Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan bảo đảm phù hợp với Quy hoạch điện VIII và kế hoạch thực hiện quy hoạch điện tỉnh. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cho các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN và biên giới. Phát triển năng lượng tái tạo và điện mặt trời mái nhà: ưu tiên, khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện vùng, miền, hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững (theo quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh được phân bổ công suất điện mặt trời mái nhà tăng thêm đến năm 2030 là 313 MW đối với loại hình có đầu nối và bán điện lên lưới);</p> <p>Nội dung 05: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thư viện cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN và biên giới;</p> <p>Nội dung 06: Rà soát, quy hoạch và thu hút đầu tư hạ tầng thương mại nông thôn; đầu tư xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ, ưu tiên các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN và biên giới. Xây dựng và nhân rộng mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP).</p> <p>Nội dung 07: Phát triển cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung; hạ tầng kỹ thuật, kho bãi, kho lạnh, trung tâm sơ chế, sấy, chế biến, trung tâm cung ứng - thu mua nông sản tại vùng sản xuất hàng hóa tập trung</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> <p>Sở Công thương</p> <p>Sở Giáo dục và Đào tạo</p> <p>Sở Công thương</p> <p>Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>
--	--	---	---	---

	<p>- 100% số hộ gia đình cá nhân đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 20% sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn;</p> <p>- 100% số hộ đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;</p> <p>- Từng bước nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ internet, hạ tầng số của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới, góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia.</p>	từng bước hiện đại, đồng bộ với quy hoạch sản xuất; đầu tư, nâng cấp hạ tầng làng nghề phù hợp với quy mô sản xuất của địa phương. Tập trung, ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào DTTS&MN;	
		Nội dung 08: Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn nông thôn; duy trì điểm phục vụ bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới;	Sở Khoa học và Công nghệ
		Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		Nội dung 10: Phát triển công trình cấp nước sạch tập trung tại các xã hoặc liên xã phù hợp với đặc thù địa phương bảo đảm hoạt động hiệu quả, bền vững, trong đó tập trung, ưu tiên đầu tư tại các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN; khu vực biên giới; vùng thiếu nước; vùng xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước; vùng đồng bào DTTS&MN; khu vực bãi ngang, ven biển và hỗ trợ cấp nước hộ gia đình đạt chuẩn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN, hộ trên địa bàn khó tiếp cận với nước sạch tập trung;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		Nội dung 11: Phát triển hệ thống và hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải; hệ thống phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Phát triển hạ tầng thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong thu gom, xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		Nội dung 12: Thực hiện bố trí ổn định dân cư (với các hình thức bố trí: Tập trung hình thành điểm dân cư mới; xen ghép vào các điểm dân cư hiện có hoặc ổn định tại chỗ đối với địa bàn không có quỹ đất để bố trí tái định cư) theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng (theo	Sở Nông nghiệp và Môi trường

			danh mục dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);	
			Nội dung 13: Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn, kiên cố, thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng chính sách, các hộ dân sống tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu;	Sở Xây dựng
			Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì 100% công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp.	Sở Xây dựng
3	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)	<p>a) Phấn đấu đến năm 2030 có tối thiểu 65% số xã đạt các yêu cầu của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;</p> <p>b) Hướng tới đáp ứng các yêu cầu các điều kiện số 08, số 10 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM;</p> <p>c) Đẩy mạnh phát triển kinh tế, giảm nghèo nhanh và nâng cao thu nhập bền vững; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng đồng bào DTTS&MN so với bình quân chung của toàn tỉnh, cải thiện rõ rệt đời sống Nhân dân, gắn với thúc đẩy bình đẳng giới và tăng cường vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế nông thôn;</p> <p>d) Phấn đấu có 80% số hộ nông dân</p>	<p>Nội dung 01: Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiêu thụ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc;</p> <p>Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới; hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ;</p> <p>Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu. Triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với mọi loại cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm;</p> <p>Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> <p>Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> <p>Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> <p>Sở Nông</p>

		<p>người DTTS làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.</p>	<p>đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật tham gia sản xuất sản phẩm OCOP;</p>	<p>ng nghiệp và Môi trường</p>
			<p>Nội dung 05: Phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng bền vững, nâng tầm thương hiệu làng nghề phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và văn hóa của địa phương; hỗ trợ tham gia chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ làng nghề;</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>
			<p>Nội dung 06: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn đặc trưng của địa phương; đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch gắn với sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống, du lịch xanh, tạo sinh kế bền vững cho những xã có điều kiện phát triển du lịch;</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>
			<p>Nội dung 07: Kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn;</p>	<p>Sở Công thương</p>
			<p>Nội dung 08: Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; nâng cao khả năng bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị gia tăng;</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>
			<p>Nội dung 09: Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tập trung, ưu</p>	<p>Sở Nông nghiệp và</p>

			tiên cho địa bàn các thôn, xã khó khăn, vùng đồng bào DTTS, biên giới;	Môi trường
			Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các thôn, xã khó khăn, vùng đồng bào DTTS, biên giới; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững (gồm 05 nội dung cụ thể)	a) Phấn đấu đến năm 2030 có tối thiểu 65% số xã đạt các yêu cầu của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 04 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội; 90% số xã đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.	Nội dung 01: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho lao động nông thôn; duy trì, nâng cao phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân sinh sống tại các xã nghèo. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn;	Sở Giáo dục và Đào tạo
		b) Đối với vùng đồng bào DTTS&MN: - Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng dần tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; - Có 40% số lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.	Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung, ưu tiên cho lao động trên địa bàn các thôn, xã khó khăn, vùng đồng bào DTTS, biên giới;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
			Nội dung 03: Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm: trường cao đẳng, trung cấp, trung học nghề), trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm GDNN-GDTX, trung tâm GDTX tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hoá và số hoá để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN và biên giới. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào DTTS&MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp,	Sở Giáo dục và Đào tạo

			hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn.	
			Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN và biên giới; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và người lao động cao tuổi;	Sở Nội vụ
			Nội dung 05: Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thuê cơ sở đào tạo và lưu trú cho ứng viên tham gia khóa đào tạo Tiếng Nhật để đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA).	Sở Nội vụ
5	Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới (gồm 04 nội dung cụ thể)	<p>a) Phấn đấu đến năm 2030 có tối thiểu 65% số xã đạt các yêu cầu của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công, nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;</p> <p>b) Hướng tới đáp ứng yêu cầu các điều kiện số 09, số 12 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM;</p> <p>c) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là</p>	<p>Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung, ưu tiên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; các đối tượng thuộc các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới;</p> <p>Nội dung 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính;</p> <p>Nội dung 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập</p>	<p>Sở Nội vụ</p> <p>Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>Sở Tư pháp</p>

		<p>người DTTS ở từng địa phương và quy định của pháp luật;</p> <p>d) Nâng cao tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS và đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN;</p> <p>đ) Nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng về trợ giúp pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở; biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước để người dân được biết và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững.</p>	<p>trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN và biên giới... Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng NTM, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào DTTS&MN thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở;</p> <p>Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Thúc đẩy bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN ở địa phương. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiên bộ.</p>	
				Sở Nội vụ
6	Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn (gồm 02 nội dung cụ thể)	a) Phấn đấu đến năm 2030 có tối thiểu 65% số xã đạt các yêu cầu của nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;	Nội dung 01: Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		b) Nâng cao năng lực, nhận thức về kiến thức số, chuyển đổi số đối với đồng bào DTTS, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS chủ động tiếp cận với các dịch vụ trực tuyến, dịch vụ an sinh xã hội.	Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình “thôn thông minh”.	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí	a) Phấn đấu đến năm 2030 có tối thiểu 65% số xã đạt các yêu cầu của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;	Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn; Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ vùng đồng bào DTTS nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
			Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng nước mặt	Sở Nông

	<p>hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (gồm 04 nội dung cụ thể)</p>	<p>b) Hướng tới đáp ứng yêu cầu các điều kiện số 11 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.</p>	<p>tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực bị ô nhiễm; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng;</p>	<p>ng nghiệp và Môi trường</p>
			<p>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương;</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>
			<p>Nội dung 04: Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; nâng cao ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>
<p>8</p>	<p>Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS (gồm 05 nội dung cụ thể)</p>	<p>Phấn đấu đến năm 2030 có tối thiểu 65% số xã đạt các yêu cầu của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.</p>	<p>Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; xây dựng, nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình;</p>	<p>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh</p>
			<p>Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khoẻ cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”;</p>	<p>Hội Nông dân tỉnh</p>
			<p>Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”; Đề án “Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em;</p>	<p>Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh</p>

			Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam;	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
			Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022-2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; thúc đẩy phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035”.	Tỉnh đoàn
9	Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội (gồm 02 nội dung cụ thể)	a) Phần đầu đến năm 2030 có tối thiểu 65% số xã đạt các yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM các cấp; b) Hướng tới đáp ứng yêu cầu điều kiện số 13 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.	Nội dung 01: Xây dựng ban chỉ huy quân sự cấp xã vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”, lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững;	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
			Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bôn tại chỗ”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự, khiếu kiện đông người trái pháp luật; kiểm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; củng cố, kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bảo đảm số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn.	Công an tỉnh
10	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát,	a) Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và hiệu quả quản trị Chương trình ở tất cả các cấp; bảo đảm công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN (gồm 04 nội dung cụ thể)	được thực hiện thường xuyên, khách quan, minh bạch, gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tập trung, đồng bộ, kết nối liên thông từ Trung ương đến xã;	Nội dung 02: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc thôn, xã vùng đồng bào DTTS&MN;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	b) 100% số cán bộ cấp tỉnh, 95% số cán bộ cấp xã tham gia thực hiện Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm về quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá Chương trình MTQG;	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	c) 100% số trưởng thôn, thành viên Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát cộng đồng được tập huấn về quy trình tham gia thực hiện Chương trình, giám sát đầu tư, truyền thông và huy động cộng đồng;	Nội dung 04: Tổ chức triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” do Thủ tướng Chính phủ phát động.	Sở Nội vụ
d) Ít nhất 65% số xã tổ chức định kỳ các khóa tập huấn trực tiếp, đào tạo tại chỗ cho người dân nông thôn về các nội dung của Chương trình; tư duy phát triển nông thôn hiện đại, kinh tế đa giá trị, tự chủ sinh kế và quản trị cộng đồng;			
đ) Đổi mới toàn diện công tác truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đa nền tảng và tương tác hai chiều, bảo đảm truyền tải chính xác, kịp thời các chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện Chương trình;			
e) Tăng cường năng lực của hệ thống truyền thông các cấp, hình thành mạng lưới thông tin thống nhất từ trung ương đến cơ sở, góp			

		<p>phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và huy động sự tham gia chủ động của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng trong thực hiện Chương trình;</p> <p>g) Tổ chức thực hiện sâu rộng, thiết thực, hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên phạm vi cả nước, bảo đảm tính lan tỏa, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm.</p>		
II	Hợp phần thứ hai: Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (được thực hiện trên phạm vi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chỉ thực hiện ngoài vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với những nội dung mang tính đặc thù của ngành công tác dân tộc và không quy định trong Hợp phần thứ nhất).			
1	<p>Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gồm 05 nội dung cụ thể)</p>	<p>a) Bảo đảm 100% số xã biên giới có nhu cầu được đầu tư các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học.</p> <p>b) Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.</p> <p>c) 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính</p>	<p>Nội dung 01: Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho: Các cơ sở giáo dục mầm non; các trường phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên (ưu tiên đầu tư các hạng mục: đầu tư xây dựng, đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ khác; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục, phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh DTTS; mua sắm máy móc, thiết phục vụ đào tạo). Ưu tiên tập trung cho địa bàn xã biên giới, khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống; đầu tư mới, đầu tư cải tạo, nâng cấp và kiên cố hóa các trường, lớp học, sân chơi cho học sinh phổ thông, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác ở khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống;</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo

		sách xã hội.	Nội dung 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
			Nội dung 03: Hỗ trợ thiết lập, duy trì các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, thôn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự;	Sở Khoa học và Công nghệ
			Nội dung 04: Giải quyết những vấn đề cấp thiết vùng đồng bào DTTS&MN, bao gồm: đầu tư xây dựng nhà hoả táng, quy hoạch, bố trí quỹ đất làm các khu nghĩa địa, nghĩa trang tập trung vùng đồng bào DTTS&MN;	Sở Xây dựng
			Nội dung 05: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình đặc thù phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng ở địa bàn các xã biên giới, các khu kinh tế quốc phòng, địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh, bao gồm: Đường tuần tra biên giới và các công trình cơ sở hạ tầng lưỡng dụng phục vụ dân sinh gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng ở khu vực biên giới; quy hoạch và bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
2	Nội dung thành phần 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gồm 06 nội dung cụ thể)	a) Phân đầu tăng thu nhập bình quân của người DTTS bằng 1/2 bình quân chung của tỉnh. b) Góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng dần tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. c) Phân đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS biết làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa; d) Phân đầu 70% số lễ hội truyền thống tiêu biểu được phục hồi, tổ	Nội dung 01: Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, dược liệu có giá trị kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN;	Sở Y tế
			Nội dung 02: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
			Nội dung 03: Hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN;	Sở Nội vụ
			Nội dung 04: Phát triển kinh tế xã hội – mô hình bộ đội gắn kết với dân bản vùng đồng bào DTTS&MN;	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
			Nội dung 05: Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN;	Sở Công thương
			Nội dung 06: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các các đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

		<p>chức thường niên gắn với phát triển du lịch; 100% số xã vùng DTTS & MN có cán bộ văn hoá thông tin được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;</p> <p>đ) 100% số đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.</p>		
3	<p>Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS & MN (gồm 04 nội dung cụ thể)</p>	<p>a) Nâng cao năng lực cho cộng đồng, cán bộ ở các cấp triển khai thực hiện hợp phần thứ hai của Chương trình ở vùng đồng bào DTTS & MN. Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục làm yếu tố căn bản để nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào DTTS & MN;</p> <p>b) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ;</p> <p>c) Hỗ trợ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển KT-XH gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng vùng đồng bào DTTS & MN.</p>	<p>Nội dung 01: Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông vùng đồng bào DTTS & MN về chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao năng lực thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào DTTS, hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS & MN;</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo
			<p>Nội dung 02: Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số; kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức; đối với lực lượng công an, quân đội, căn cứ tình hình thực tiễn xác định đối tượng phù hợp để bồi dưỡng;</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo
			<p>Nội dung 03: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS & MN; giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết;</p>	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh ¹ ; Sở Nội vụ ²
			<p>Nội dung 04: Các hoạt động đặc thù thuộc nội dung của Chương trình cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường; Hỗ trợ các em trong độ tuổi đi học (từ lớp 1 đến lớp 12) là người dân tộc thiểu số đang sinh</p>	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

¹ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS & MN

² Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung về giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết

			sống ở khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có hoàn cảnh khó khăn; là con của người có uy tín, người tích cực tham gia bảo vệ biên giới trong đồng bào các DTTS và các em là người DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được các đơn vị Quân đội nhận nuôi và hỗ trợ, giúp đỡ.	
4	Nội dung thành phần 04: Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (gồm 01 nội dung cụ thể)	<p>a) Phấn đấu giảm 50% tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù so với thời điểm năm 2024;</p> <p>b) Phấn đấu tăng 30% tỷ lệ người lao động các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù biết nghề, sống bằng nghề được đào tạo;</p> <p>c) Phấn đấu 20% số học sinh, sinh viên xuất sắc thuộc dân tộc khó khăn đặc thù được hỗ trợ kinh phí đi đào tạo nước ngoài.</p>	Nội dung 01: Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù trên địa bàn xã	Sở Nội vụ
5	Nội dung thành phần 05: Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 04 nội dung cụ thể)	<p>a) Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;</p> <p>b) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào DTTS và</p>	<p>Nội dung 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào DTTS và người dân sinh sống trên địa bàn;</p> <p>Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS&MN. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý, hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho vùng đồng bào DTTS&MN;</p> <p>Nội dung 03: Xây dựng và duy trì, vận hành hệ thống quản lý theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào DTTS&MN, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (theo các Nghị định của Chính phủ: Số 255/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 về xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 – 2030, số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030);</p>	Sở Nội vụ

	<p>người dân sinh sống trên địa bàn;</p> <p>c) Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình;</p> <p>d) Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật; giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước để được tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững và được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.</p>	<p>Nội dung 04: Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS&MN. Ưu tiên hiện đại hóa hệ thống thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại để đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại, cung cấp nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, lâu dài, có giá trị lan tỏa, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới nhằm góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>
--	--	--	--